



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Thu Hà	Chủ tịch
Ông Bùi Xuân Hải	Thành viên
Bà Võ Thị Hà Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Len	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	Thành viên
Bà Mai Ngọc Liên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2021)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Xuân Hải - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

23
T
H
TO
C
IN
30
IG
PH
H
A
A
H

Số: 032504/2022/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng từ các năm trước. Nếu Công ty hạch toán các khoản đã chi này vào kết quả kinh doanh của năm trước thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng Cân đối kế toán sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

IN TẾ
T. PHA
523
TY AN NG DA Y Y CIA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được biên bản đối chiếu cho các khoản công nợ phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải trả người bán, phải thu ngắn hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với số tiền lần lượt là 45.620.766.010 đồng, 335.942.145 đồng, 5.391.663.068 đồng, 2.124.431.570 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục công nợ nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho những khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền 31.047.241.302 đồng, trong đó, số dự phòng cần trích lập năm 2021 là 286.390.640 đồng. Nếu Công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi trên báo cáo tài chính thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng 286.390.640 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi 286.390.640 đồng; trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi 31.047.241.302 đồng, chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" cũng tăng lên số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập trên giả định hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2021 là 66.851.725.405 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty là âm 7.537.280.362 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 16.925.591.498 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 38.676.746.432 đồng là nợ xấu. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tăng cường công tác thu hồi công nợ trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của các đối tác cho vay để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.



Nguyễn Như Phương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hoàng Văn Phúc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.645.215.210	48.137.513.581
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.609.903.963	1.055.622.329
1. Tiền	111		2.609.903.963	1.055.622.329
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.6	860.000.000	300.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(140.000.000)	(700.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.449.819.760	40.388.206.002
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	52.091.073.366	53.673.142.458
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		670.392.145	359.291.726
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	1.100.325.179	1.100.325.179
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.559.796.693	2.227.214.262
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(16.971.767.623)	(16.971.767.623)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	6.524.031.950	5.980.784.639
1. Hàng tồn kho	141		6.539.597.067	5.980.784.639
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.565.117)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		201.459.537	412.900.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	194.419.480	398.405.579
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	14.495.032
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	7.040.057	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.455.713.377	10.749.678.071
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		195.325.427	195.325.427
1. Phải thu dài hạn khác	216		195.325.427	195.325.427
II. Tài sản cố định	220		3.876.108.100	3.493.359.295
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	3.876.108.100	3.493.359.295
- Nguyên giá	222		76.679.397.605	75.934.267.457
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.803.289.505)	(72.440.908.162)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.500.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.500.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.379.779.850	7.060.993.349
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	2.043.039.989	2.825.634.072
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.336.739.861	4.235.359.277
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		59.100.928.587	58.887.191.652

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.638.208.949	66.314.484.885
I. Nợ ngắn hạn	310		66.570.806.676	66.233.082.612
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	10.823.883.722	11.695.781.124
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.738.000	24.738.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	448.741.971	471.921.956
4. Phải trả người lao động	314		508.741.750	624.659.452
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	9.682.754.431	8.127.888.956
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.226.254.981	1.032.203.803
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	45.700.000.000	46.100.197.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.844.308.179)	(1.844.308.179)
II. Nợ dài hạn	330		67.402.273	81.402.273
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	67.402.273	81.402.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(7.537.280.362)	(7.427.293.233)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	(7.537.280.362)	(7.427.293.233)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(7.320.000)	(7.320.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.321.765.043	14.321.765.043
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(66.851.725.405)	(66.741.738.276)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(66.741.738.276)	(64.700.755.554)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(109.987.129)	(2.040.982.722)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		59.100.928.587	58.887.191.652



Mai Ngọc Liên
Người lập biểu



Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng




Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	59.349.736.674	63.827.718.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	5.400.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59.349.736.674	63.822.318.912
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	48.988.666.267	55.133.965.372
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.361.070.407	8.688.353.540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.396.264	12.517.653
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	3.605.499.486	4.121.568.759
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.154.667.975	4.188.568.759
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	1.408.235.360	1.533.049.790
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.555.705.792	4.616.300.243
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		797.026.033	(1.570.047.599)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	132.424.099	186.803.882
12. Chi phí khác	32	VI.7	106.065.289	192.937.542
13. Lợi nhuận khác	40		26.358.810	(6.133.660)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		823.384.843	(1.576.181.259)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	34.752.556	37.014.959
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		898.619.416	427.786.504
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(109.987.129)	(2.040.982.722)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(24)	(454)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(24)	(454)

Mai Ngọc Liên
Người lập biểu

Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	823.384.843	(1.576.181.259)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	456.647.369	461.157.268
Các khoản dự phòng	03	(560.000.000)	(67.000.000)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	10.831.511	(7.397.130)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.396.264)	(5.120.523)
Chi phí lãi vay	06	4.154.667.975	4.188.568.759
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.880.135.434	2.994.027.115
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	945.841.217	(4.319.428.368)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(543.247.311)	3.331.131.873
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.099.891.060)	4.939.201.490
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	986.580.182	(1.366.140.110)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.599.802.500)	(7.392.121.385)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(77.752.556)	(107.520.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.491.863.406	(1.920.850.006)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(542.780.536)	(23.251.091)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.396.264	5.120.523
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(537.384.272)	(18.130.568)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	19.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(400.197.500)	(19.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(400.197.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.554.281.634	(1.938.980.574)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.055.622.329	2.994.602.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.609.903.963	1.055.622.329



Mai Ngọc Liên
Người lập biểu



Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng




Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xi măng Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000019 ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 5900305243. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11, vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần là 4.500.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Quyết định số 313/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 05 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly với mã chứng khoán SDY hủy niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017.

Theo Quyết định số 395/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 06 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (mã chứng khoán SDY) được giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán UPCOM từ ngày 02 tháng 06 năm 2017.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, sỏi, cát, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá vôi;

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Hiện nay Công ty có một (01) đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Xí nghiệp khai thác đá và một (01) Công ty con. Thông tin về Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công TNHH MTV Xi măng ELECEM	Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	100%	100%	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6 người, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 6 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giá định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2021, lỗ lũy kế của Công ty là 66.851.725.437 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty là âm 7.537.280.394 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 16.925.591.498 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 38.676.746.432 đồng là nợ xấu. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã xây dựng các kế hoạch để tăng cường khả năng thu hồi công nợ, tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã làm việc với các nhà cung cấp và các đối tác cho vay để cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn. Với các khoản đi vay, các đối tác cho vay đã tạo điều kiện gia hạn nợ cho Công ty hàng năm.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty/Doanh nghiệp có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc thiết bị	03 - 15
Thiết bị công cụ dụng cụ quản lý	05
Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 15

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	26.322.962	32.164.136
Tiền gửi ngân hàng	2.583.581.001	1.023.458.193
Cộng	2.609.903.963	1.055.622.329

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	16.752.539.500	16.752.539.500
- Chi nhánh 307	14.775.996.860	14.775.996.860
- Văn phòng Công ty	1.976.542.640	1.976.542.640
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.571.916.274	2.571.916.274
- Chi nhánh 603	1.886.039.137	1.886.039.137
- Văn phòng Công ty	685.877.137	685.877.137
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	10.152.103.031
Xí nghiệp Sông Đà 11.5 Thăng Long	4.092.212.947	4.092.212.947
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	3.577.550.834	4.977.114.164
Chi nhánh Công ty TNHH SCG Internaltional Việt Nam tại Đà Nẵng	3.344.728.970	3.523.795.220
Các khoản phải thu khách hàng khác	11.600.021.810	11.603.461.322
Cộng	52.091.073.366	53.673.142.458

3. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*)	1.100.325.179	1.100.325.179
Cộng	1.100.325.179	1.100.325.179

(*) Công ty cho Công ty Cổ phần Điện Việt Lào vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD/SDYALY-VL ngày 26 tháng 03 năm 2014. Mục đích cho vay để thanh toán lãi vay Ngân hàng cho dự án thủy điện Xekaman 1. Thời hạn vay 18 tháng. Lãi suất cho vay theo lãi suất Tổng Công ty Sông Đà. Theo Phụ lục bổ sung Hợp đồng vay vốn số 02/2016/PLHĐTD/SDYALY-VL ngày 01 tháng 01 năm 2016, khoản cho vay được gia hạn thanh toán đến ngày 12 tháng 03 năm 2017.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	207.752.993	574.411.285
Phải thu khác	2.174.043.700	1.652.802.977
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	178.000.000	-
Cộng	2.559.796.693	2.227.214.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	115.879.345	1.833.973
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	29.627.272	392.988.366
- Các khoản khác	48.912.863	3.583.240
Cộng	<u><u>194.419.480</u></u>	<u><u>398.405.579</u></u>
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.132.649.936	1.760.337.035
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	886.507.700	1.056.693.000
- Các khoản khác	23.882.353	8.604.037
Cộng	<u><u>2.043.039.989</u></u>	<u><u>2.825.634.072</u></u>

CÔNG TY CP XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh,
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Cổ phiếu SD3 (100.000 CP)	1.000.000.000	860.000.000	140.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	860.000.000	140.000.000	1.000.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.944.001.596	15.565.117	5.483.087.453	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	390.440.191	-	478.571.020	-
Thành phẩm	203.655.280	-	17.626.166	-
Hàng hoá	1.500.000	-	1.500.000	-
Cộng	6.539.597.067	15.565.117	5.980.784.639	-

YALY
NG
ĐA
YALY
2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND								
Phải thu khách hàng	36.585.385.881	21.412.441.049	15.172.944.832	36.585.385.881		21.412.441.049	15.172.944.832				15.172.944.832	
- Chi nhánh Sông Đà 3.07 - Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.775.996.860	14.775.996.860	-	14.775.996.860			14.775.996.860					-
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	-	10.152.103.031	10.152.103.031			10.152.103.031				10.152.103.031	
- Xí nghiệp Sông Đà 11-5 Thăng Long	4.092.212.947	4.092.212.947	-	4.092.212.947			4.092.212.947				4.092.212.947	
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	1.680.971.155	1.680.971.155	-	1.680.971.155			1.680.971.155				1.680.971.155	
- Công ty TNHH Điện Xekaman 3	600.092.138	199.167.200	400.924.938	600.092.138			600.092.138		400.924.938		400.924.938	
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	685.877.137	68.325.023	617.552.114	685.877.137			685.877.137		617.552.114		617.552.114	
- Tổng Công ty Sông Đà	598.630.933	299.315.466	299.315.467	598.630.933			598.630.933		299.315.467		299.315.467	
- Các đối tượng khác	3.999.501.680	296.452.398	3.703.049.282	3.999.501.680			3.999.501.680		3.703.049.282		3.703.049.282	
Trả trước cho người bán	250.000.000	150.000.000	100.000.000	250.000.000			250.000.000		100.000.000		100.000.000	
- Công ty CP TV&HD Khoáng sản Geminco	250.000.000	150.000.000	100.000.000	250.000.000			250.000.000		100.000.000		100.000.000	
Phải thu khác	1.841.360.551	142.537.760	1.698.822.791	1.841.360.551			1.841.360.551		1.698.822.791		1.698.822.791	
- Vũ Văn Bàu	516.993.815	-	516.993.815	516.993.815			516.993.815		516.993.815		516.993.815	
- Nguyễn Xuân Toàn	109.601.873	-	109.601.873	109.601.873			109.601.873		109.601.873		109.601.873	
- Nguyễn Khắc Hưng	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000			100.000.000		100.000.000		100.000.000	
- Các đối tượng khác	1.114.764.863	142.537.760	972.227.103	1.114.764.863			1.114.764.863		972.227.103		972.227.103	
Cộng	38.676.746.432	21.704.978.809	16.971.767.623	38.676.746.432			38.676.746.432		16.971.767.623		16.971.767.623	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp, bù trừ trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu								
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	5.985.041	5.985.041	5.985.041	5.985.041
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	25.546.103	25.546.103	26.601.119	26.601.119	1.055.016	1.055.016
Cộng	-	-	25.546.103	25.546.103	32.586.160	32.586.160	7.040.057	7.040.057
b) Các khoản phải trả								
Thuế giá trị gia tăng	346.892.077	346.892.077	9.528.172.447	9.528.172.447	9.485.357.560	9.485.357.560	389.706.964	389.706.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.014.959	37.014.959	34.752.556	34.752.556	71.767.515	71.767.515	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	88.014.920	88.014.920	170.845.248	170.845.248	199.825.161	199.825.161	59.035.007	59.035.007
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	444.750.614	444.750.614	444.750.614	444.750.614	-	-
Thuế môn bài	-	-	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	-	-
Cộng	471.921.956	471.921.956	10.185.520.865	10.185.520.865	10.208.700.850	10.208.700.850	448.741.971	448.741.971

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số có khả năng trả nợ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND
Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh Than Xuân Phú	4.683.497.594	4.683.497.594	4.683.497.594	4.683.497.594	5.287.802.256	5.287.802.256
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	927.832.000	927.832.000	927.832.000	927.832.000	927.832.000	927.832.000
Các đối tượng khác	5.212.554.128	5.212.554.128	5.212.554.128	5.212.554.128	5.480.146.868	5.480.146.868
Cộng	10.823.883.722	10.823.883.722	10.823.883.722	10.823.883.722	11.695.781.124	11.695.781.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	4.427.169.340	70.854.616.570	420.878.182	231.603.365	75.934.267.457
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	839.396.174	-	-	-	839.396.174
- Giảm do phá dỡ tài sản, hoàn trả mặt bằng cho Nhà nước	(94.266.026)	-	-	-	(94.266.026)
Số dư cuối năm	5.172.299.488	70.854.616.570	420.878.182	231.603.365	76.679.397.605
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	3.061.701.409	69.120.913.353	192.902.490	65.390.910	72.440.908.162
- Khấu hao trong năm	132.354.705	255.566.336	42.087.816	26.638.512	456.647.369
- Giảm do phá dỡ tài sản, hoàn trả mặt bằng cho Nhà nước	(94.266.026)	-	-	-	(94.266.026)
Số dư cuối năm	3.099.790.088	69.376.479.689	234.990.306	92.029.422	72.803.289.505
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.365.467.931	1.733.703.217	227.975.692	166.212.455	3.493.359.295
Tại ngày cuối năm	2.072.509.400	1.478.136.881	185.887.876	139.573.943	3.876.108.100

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 68.699.806.306 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 67.843.572.084 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã mang đi thế chấp các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 0 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	9.248.610.948	7.693.745.473
Trích trước chi phí mua phụ gia	401.854.636	401.854.636
Các khoản chi phí phải trả khác	32.288.847	32.288.847
Cộng	9.682.754.431	8.127.888.956
Trong đó: Phải trả là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	9.149.860.948	7.594.995.473

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	-	24.435.386
Các khoản phải trả về thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.066.000.000	886.000.000
Phải trả khác	160.254.981	121.768.417
Cộng	1.226.254.981	1.032.203.803
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	67.402.273	81.402.273
Cộng	67.402.273	81.402.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bà Trần Thị Kim Thoa (i)	41.500.000.000	41.500.000.000	-	-	41.500.000.000	41.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện (ii)	4.200.000.000	4.200.000.000	-	400.197.500	4.600.197.500	4.600.197.500
Cộng vay ngắn hạn	45.700.000.000	45.700.000.000	-	400.197.500	46.100.197.500	46.100.197.500

(i) Khoản vay cá nhân của bà Trần Thị Kim Thoa theo các hợp đồng vay vốn cụ thể. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn các khoản vay là 12 tháng kể từ ngày nhận được khoản vay. Theo các phụ lục hợp đồng được ký kết trong năm 2021, khoản vay được gia hạn hoàn trả đến năm 2022. Lãi suất vay vốn hiện tại là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay với Công ty Cổ phần Xây dựng Bưu Điện theo các hợp đồng vay vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 11%/năm (từ ngày 22/08/2019 là 9%/năm). Các khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp. Bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay vốn số 1107/HĐVV-PTIC-SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 và các phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng số 1107/HĐVV-PTIC-SDY với tổng số tiền vay tối đa 5.880.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt. Tiền gốc và lãi được hoàn trả vào ngày kết thúc thời hạn vay hoặc một ngày khác sớm hơn nếu hai bên có thỏa thuận khác. Phụ lục hợp đồng năm 2021 gia hạn thời gian vay nợ đến 11/07/2022.

- Hợp đồng vay vốn số 1412/PTIC-SDY ngày 14 tháng 12 năm 2017 và các phụ lục kèm theo với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt. Tiền gốc và lãi được hoàn trả vào ngày kết thúc thời hạn vay hoặc một ngày khác sớm hơn nếu hai bên có thỏa thuận khác. Phụ lục hợp đồng năm 2021 gia hạn thời gian vay nợ đến 14/12/2022.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(64.700.755.554)	(5.386.310.511)			
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(2.040.982.722)	(2.040.982.722)			
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(66.741.738.276)	(7.427.293.233)			
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(109.987.129)	(109.987.129)			
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(66.851.725.405)	(7.537.280.362)			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Trần Anh Minh	10.000.000.000	10.000.000.000
Bà Trịnh Thị Thúy	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Trần Hạnh Nguyên	8.055.000.000	8.055.000.000
Ông Trần Quang Huy	4.071.000.000	4.071.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	2.950.000.000	2.950.000.000
Các cổ đông khác	9.924.000.000	9.924.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận gia công xi măng, Bộ phận cung cấp dịch vụ và Bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận gia công xi măng	- Thực hiện gia công xi măng cho Xi măng Sông Gianh
Bộ phận cung cấp dịch vụ	- Vận chuyển clinker.
Bộ phận khác	- Cho thuê tài sản,...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Gia công xi măng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	15.838.775.279	3.344.728.970	391.940.191	19.575.444.440
Tài sản không phân bổ				39.525.484.147
Tổng tài sản hợp nhất				59.100.928.587
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	541.303.060	4.683.497.594	-	5.224.800.654
Nợ phải trả không phân bổ				61.413.408.295
Tổng nợ phải trả hợp nhất				66.638.208.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Gia công xi măng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	36.277.863.520	22.860.509.520	211.363.634	59.349.736.674
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu	36.277.863.520	22.860.509.520	211.363.634	59.349.736.674
Chi phí kinh doanh				
- Giá vốn hàng bán	26.200.710.071	22.613.388.960	159.002.119	48.973.101.150
- Chi phí bán hàng	1.408.235.360	-	-	1.408.235.360
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	27.608.945.431	22.613.388.960	159.002.119	50.381.336.510
Chi phí không phân bổ				4.571.270.909
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.397.129.255
Doanh thu hoạt động tài chính				5.396.264
Chi phí tài chính				3.605.499.486
Lợi nhuận (lỗ) khác				26.358.810
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				823.384.843
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				34.752.556
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				898.619.416
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(109.987.129)

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phát sinh tại Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu gia công xi măng	36.277.863.520	39.156.121.150
Doanh thu vận chuyển	22.860.509.520	24.415.970.490
Doanh thu khác	211.363.634	255.627.272
Cộng	59.349.736.674	63.827.718.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn gia công xi măng	26.200.710.071	32.830.749.749
Giá vốn vận chuyển	22.613.388.960	22.247.613.401
Giá vốn khác	159.002.119	55.602.222
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.565.117	-
Cộng	48.988.666.267	55.133.965.372

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	4.154.667.975	4.188.568.759
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(560.000.000)	(67.000.000)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	10.831.511	-
Cộng	3.605.499.486	4.121.568.759

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.408.235.360	1.496.794.910
Chi phí bằng tiền khác	-	36.254.880
Cộng	1.408.235.360	1.533.049.790

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.548.066.621	2.447.273.823
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	469.753.239	37.290.938
Chi phí khấu hao TSCĐ	155.401.054	147.831.712
Thuế, phí và lệ phí	354.980.747	608.070.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.184.246	898.434.345
Chi phí bằng tiền khác	711.319.885	477.398.540
Cộng	4.555.705.792	4.616.300.243

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vật tư kiểm kê thừa không xác định được nguyên nhân	126.435.007	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	79.909.091
Các khoản khác	5.989.092	106.894.791
Cộng	132.424.099	186.803.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt chậm nộp, truy thu thuế	60.081.252	54.508.588
Các khoản khác	45.984.037	138.428.954
Cộng	106.065.289	192.937.542

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	-	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Elecem	34.752.556	37.014.959
	34.752.556	37.014.959

9. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(109.987.129)	(2.040.982.722)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(109.987.129)	(2.040.982.722)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	(24)	(454)

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.905.312.138	15.668.501.775
Chi phí nhân công	7.035.695.995	6.811.224.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	456.647.369	461.157.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.326.633.452	34.532.980.996
Chi phí khác bằng tiền	1.310.651.632	478.318.540
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.565.117	-
Cộng	55.050.505.703	57.952.183.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Công ty có thành viên quản lý chủ chốt
Ông Trần Anh Minh	Cổ đông lớn
Bà Trịnh Thị Thúy	Cổ đông lớn
Ông Trần Hạnh Nguyên	Cổ đông lớn
Ông Trần Quang Huy	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Kim Thoa	Cổ đông lớn
Bà Phạm Thị Thu Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>
Trả nợ gốc vay	400.197.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	400.197.500
Chi phí lãi vay	4.154.667.975
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	419.667.973
Bà Trần Thị Kim Thoa	3.735.000.002

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn	9.149.860.948	7.594.995.473
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	6.407.436.286	6.087.570.813
Bà Trần Thị Kim Thoa	2.742.424.662	1.507.424.660
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	45.700.000.000	46.100.197.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	4.200.000.000	4.600.197.500
Bà Trần Thị Kim Thoa	41.500.000.000	41.500.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Bà Phạm Thị Thu Hà	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Xuân Hải	379.311.674	426.581.729
Ông Nguyễn Việt Tùng	157.137.636	351.893.574
Bà Võ Thị Hà Giang	36.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Công Khởi	-	24.000.000
Bà Trần Thị Len	36.000.000	36.000.000
Cộng	644.449.310	886.475.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP KHÁC)

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.



Mai Ngọc Liên
Người lập biểu



Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2022